TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2017.
"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Kiều Oanh.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Sơn Thị Vành Đa.**

2. Ông **Lê Thanh Khởi**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thúy An** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Lý Thị Hồng Anh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 119/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Phương N** (có mặt);

Địa chỉ: Số 20A, tổ 4, khu phố 7, thị trấn Giồng R, huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Trịnh Bá T** (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 125, ấp Bưng C, xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 7 năm 2017 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Võ Thị Phương N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2015, chị Võ Thị P và anh Trịnh Bá T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng,

cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/4/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống bên nhà anh T tại địa chỉ số 125, ấp Bưng C, xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 10 năm 2015 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T mê chơi không chí thú làm ăn, mặc dù chị N và gia đình anh T nhiều lần khuyên nhưng anh T không thay đổi. Đến tháng 10 năm 2016 chị N cùng con về nhà cha mẹ ruột chị sống tại địa chỉ số 20A, tổ 4, khu phố 7, thị trấn Giồng R, huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị N và anh T có 01 đứa con chung Trịnh Phương Ng, sinh ngày 16/9/2015, hiện nay đang sống với chị N.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị Võ Thị Phương N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Phương N yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Bá T.

- Về con chung: Sau khi ly hôn chị N yêu cầu tiếp tục nuôi Trịnh Phương Ng, sinh ngày 16/9/2015 đến tuổi trưởng thành, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trịnh Bá T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Trịnh Bá T chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Phương N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn anh Trịnh Bá T đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trịnh Bá T.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Phương N và anh Trịnh Bá T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và được Ủy ban nhân dân xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng, cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 08/4/2015. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn.

Xét lý do xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn chị N và anh T chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc có 01 người con chung. Tuy nhiên, đến tháng 10 năm 2015 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T mê chơi không chí thú làm ăn, mặc dù chị N và gia đình anh T nhiều lần khuyên nhưng anh T không thay đổi. Hiện nay mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, anh chị không còn sống chung với nhau từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay. Như vậy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị N và anh T cũng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị N và anh T có 01 đứa con chung tên Trịnh Phương Ng, sinh ngày 16/9/2015, hiện đang sống với chị N. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy, đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì cháu Ng còn quá nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) từ khi sinh cháu Ng ra do chị N nuôi dưỡng, cuộc sống đã ổn định. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Ng. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu Trịnh Phương Ng cho chị N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[4] Về nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T là người không trực tiếp nuôi con, nên anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con Trịnh Phương Ng, mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị N cho rằng vợ chồng không có nợ chung và trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án cũng không có ai khởi kiện yêu cầu anh chị trả nợ. Cho nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị N là người có đơn xin ly hôn, chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Phương N và anh Trịnh Bá T.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Phương Ng, sinh ngày 16/9/2015 cho chị Võ Thị Phương N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Trịnh Bá T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trịnh Bá T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Trịnh Phương Ng, mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Phương N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004422 ngày 24/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị N đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Trịnh Bá T thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đào Thị Kiều Oanh

Nơi nhận
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Tú;*
- *Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;*
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *UBND xã Phú M, huyện Mỹ T;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*